



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ HỮU CƠ



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP



NHÓM TÁC GIẢ BIÊN SOẠN

Lê Công Hùng¹ (Chủ biên), Hà Phúc Mịch², Phạm Thanh Hải¹, Trần Thị Thanh Bình³, Đồng Thị Thanh³, Bùi Thị Cúc³

¹ Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ

² Hiệp hội Hữu cơ Việt Nam

³ Trường Đại học Lâm nghiệp





GIỚI THIỆU DỰ ÁN

Tài liệu này được biên soạn trong khuôn khổ dự án “Thúc đẩy sản xuất nông lâm nghiệp hữu cơ và Hệ thống đảm bảo có sự tham gia (PGS) cho các tổ chức sản xuất rừng và trang trại (FFPOs) tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam”, do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) tài trợ.

Dự án hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực cho các tổ chức nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm sản xuất nhỏ trong việc phát triển mô hình sản xuất nông lâm nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị bền vững, thông qua việc xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống đảm bảo có sự tham gia (PGS), thúc đẩy tiêu chuẩn hóa chất lượng sản phẩm, tăng cường thị trường và khả năng liên kết.

Dự án được triển khai bởi Trung tâm Nông nghiệp Hữu cơ – Viện Quản lý đất đai và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Lâm nghiệp, phối hợp với Chương trình hỗ trợ Rừng và Trang trại giai đoạn II (FFF2), Hội Nông dân Việt Nam tại 04 tỉnh: Lào Cai, Thái Nguyên, Phú Thọ và Sơn La.

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên và nhu cầu ngày càng cao về nông sản an toàn, mô hình nông nghiệp hữu cơ đang trở thành xu hướng tất yếu. Chăn nuôi dê hữu cơ không chỉ góp phần bảo vệ sức khỏe và môi trường, mà còn giúp cải thiện thu nhập, thúc đẩy phát triển nông lâm kết hợp và sinh kế bền vững tại các vùng nông thôn, miền núi.

Nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận kỹ thuật chăn nuôi dê hữu cơ phù hợp thực tiễn, Chương trình hỗ trợ Rừng và Trang trại (FFF), Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Trung tâm Nông nghiệp Hữu cơ - Viện Quản lý đất đai và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Lâm nghiệp phối hợp biên soạn cuốn sổ tay này. Tài liệu tập trung vào các nội dung chính như: chuẩn bị chuồng trại, chọn giống, thức ăn, chăm sóc và quản lý chăn nuôi dê theo hướng hữu cơ.

Ban biên soạn hy vọng sổ tay sẽ là tài liệu hữu ích cho nông dân, cán bộ kỹ thuật và các tổ nhóm sản xuất trong quá trình chuyển đổi sang chăn nuôi hữu cơ, góp phần xây dựng nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Trân trọng giới thiệu!

DANH MỤC VIẾT TẮT

ATTP	An toàn thực phẩm
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BVTV	Bảo vệ thực vật
COA	Trung tâm Nông nghiệp Hữu cơ
FAO	Food and Agriculture Organization of the United Nations (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc)
FFF II	Forest and Farm Facility II (Chương trình hỗ trợ rừng và trang trại - Pha 2)
HND	Hội nông dân
HTX	Hợp tác xã
PGS	Participatory Guarantee System (Hệ thống đảm bảo cùng tham gia)
NNHC	Nông nghiệp hữu cơ
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

Thông tin hình ảnh:

Tài liệu có sử dụng một số hình ảnh do đồng nghiệp, Trung tâm Nông nghiệp Hữu cơ (COA), các hợp tác xã và tổ hợp tác là thành viên Chương trình hỗ trợ Rừng và Trang trại (FFF) cung cấp. Hình ảnh được sử dụng phục vụ mục đích minh họa kỹ thuật, đào tạo và phi thương mại.

Chân thành cảm ơn các cá nhân và đơn vị đã hỗ trợ và chia sẻ tư liệu hình ảnh cho tài liệu này!

MỤC LỤC

PHẦN 1. CHUẨN BỊ CHUỒNG TRẠI NUÔI DÊ HỮU CƠ	1
1.1. Các yêu cầu chuồng trại	1
1.2. Chuồng nuôi và sân chơi	2
1.3. Dụng cụ chăn nuôi	5
PHẦN 2. CHỌN GIỐNG DÊ NUÔI HỮU CƠ	7
2.1. Tiêu chuẩn con giống	7
2.2. Một số giống dê	8
2.3. Chọn lọc dê giống	10
PHẦN 3. CHUẨN BỊ THỨC ĂN NUÔI DÊ HỮU CƠ	13
3.1. Yêu cầu về thức ăn hữu cơ	13
3.2. Các loại thức ăn	16
3.3. Tỷ lệ các loại thức ăn trong khẩu phần	18
3.4. Ủ chua thức ăn	18
PHẦN 4. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC DÊ HỮU CƠ	21
4.1. Yêu cầu về nuôi dưỡng và chăm sóc	21
4.2. Nuôi dưỡng dê	25
4.3. Chăm sóc dê	35
TÀI LIỆU THAM KHẢO	40



PHẦN 1

CHUẨN BỊ CHUỒNG TRẠI NUÔI DÊ HỮU CƠ

1.1. CÁC YÊU CẦU CHUỒNG TRẠI

- *Yêu cầu chung:* Khu vực chăn nuôi dê hữu cơ được khoanh vùng, thiết kế đảm bảo có vùng đệm, khu vực chăn nuôi bao gồm: hệ thống chuồng nuôi, khu vận động ngoài trời, khu chăn thả tự nhiên và vùng trồng cây làm thức ăn chăn nuôi phải đảm bảo tách biệt nhưng liên hoàn, dễ dàng di chuyển qua lại, dễ quản lý, cách ly khi cần thiết và hệ thống phụ trợ.

- Yêu cầu địa điểm chăn nuôi hữu cơ phải được lựa chọn đánh giá đảm bảo dư lượng kim loại nặng, thuốc bảo vệ thực vật và các chất cấm khác đạt tiêu chuẩn theo quy định của Quy chuẩn Việt Nam hiện hành. Do vậy, cơ sở chăn nuôi cần phải lấy mẫu đất, nước uống, nước tưới, sản phẩm gửi đi phân tích để đánh giá mức độ tồn dư của kim loại nặng, thuốc bảo vệ thực vật và các chất cấm khác.

Bảng 1: Diện tích tối thiểu chuồng nuôi nhốt và khu vận động ngoài trời cho dê

Loại động vật	Diện tích trong chuồng (m ² /con)	Diện tích ngoài trời (diện tích vận động không kể bãi chăn thả) m ² /con
Dê	1,5	2,5
Dê non	0,35	0,5

- Yêu cầu vùng trồng cây làm thức ăn và khu chăn thả tự nhiên cho dê phải tuân thủ các yêu cầu chung của tiêu chuẩn TCVN 11041-1:2017; tiêu chuẩn trồng trọt hữu cơ TCVN 11041-2:2017 và tiêu chuẩn chăn nuôi hữu cơ 11041-3:2017.

- Yêu cầu vùng đệm, hàng rào cách ly phải có độ cao và bề rộng phù hợp và ngăn chặn được các nguồn gây ô nhiễm xung quanh.

- Yêu cầu khu vực chăn nuôi, khi thiết kế phải đảm bảo sự thích ứng với điều kiện khí hậu của vùng, tập tính và đặc điểm sinh học của dê, hệ thống hạ tầng đủ diện tích trong chuồng, khu vận động ngoài trời thuận tiện trong nuôi dưỡng, chăm sóc động vật (cho ăn, cho uống) và có chuồng nuôi nhốt tạm thời.

- Yêu cầu khu vực phụ trợ đáp ứng nhu cầu sử dụng, tiện dụng và đáp ứng quy định liên quan về thu gom, tập kết và xử lý chất thải (rắn, lỏng), chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, hệ thống nước uống, nước vệ sinh, nhà kho, giao thông nội bộ.

1.2. CHUỒNG NUÔI VÀ SÂN CHƠI

- **Chuồng nuôi:**

+ Nền chuồng phẳng, nhẵn làm bằng lớp vữa xi măng hay đất nện chắc có độ dốc 2-3% để dễ vệ sinh, có rãnh thoát nước, phân và nước tiểu.

+ Khung chuồng làm bằng gỗ hay tre, phần chân đỡ khung chuồng có thể xây bằng gạch có độ cao 50 - 70 cm, phía trên đặt các thanh dầm đáy bằng gỗ chắc hay bằng sắt tạo khung chuồng.

+ Thành chuồng có độ cao từ 1,5 - 1,8 m, có thể làm bằng tre, gỗ, hay lưới sắt chắc chắn. Các nan cách nhau khoảng 6 - 10 cm để dê không chui qua được.

+ Cửa lên xuống chuồng có kích thước khoảng 60 - 80 cm để dê dễ đi lại, có thể làm bằng tre, gỗ hay nhựa.



Thành chuồng và cửa lên xuống

+ Sàn chuồng dê phải đảm bảo bằng phẳng, cách mặt đất tối thiểu 50 - 70 cm, làm bằng các thanh gỗ, tre thẳng bản rộng có kích thước $2,5 \times 3$ cm, được đóng thành giát có khe hở 1 - 1,5 cm đủ để phân dê dễ lọt xuống dưới, nhưng không làm lọt chân dê.

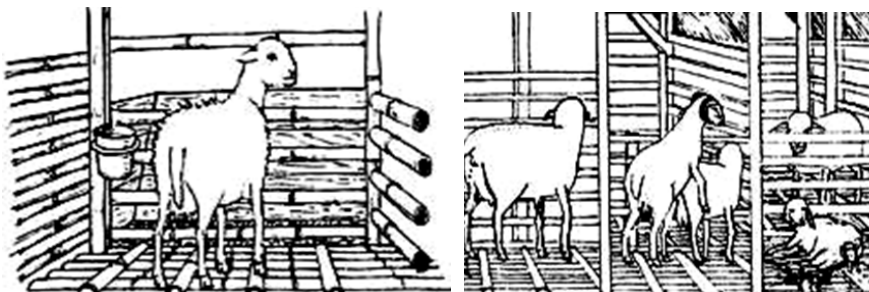


Sàn chuồng dê

+ Cũi lồng: Kích thước một cũi lồng: chiều cao cũi 1,5 - 1,8 m, chiều rộng cũi là 1,2 - 1,4 m, chiều dài cũi 1,3 - 1,5 m. Diện tích của ngăn lồng chuồng đó là 1,5 - 1,8 m² đủ nhốt một con dê giống và đàn con theo mẹ hoặc nhốt 2 - 3 con dê vỗ béo. Nếu nhốt cá thể thì chiều rộng mỗi ô nên 0,6 - 0,8 m.

+ Vách ngăn các ô chuồng có thể làm bằng gỗ, tre, vầu... Chiều cao vách ngăn nên là 1,0 - 1,2 m với các thanh, thang vách cách nhau 8 - 10 cm.

+ Cửa lồng có chiều rộng 0,4 - 0,5 m và chiều cao 1,0 - 1,2 m.



Vách ngăn chuồng

- **Sân chơi:** Bằng phẳng, không đọng nước, diện tích 2,5 - 5 m²/con, trong sân chơi đặt máng ăn, máng uống và trồng cây tạo bóng mát. Xung quanh sân chơi phải có hàng rào làm bằng tre, gỗ hay lưới sắt chắc chắn.



Sân chơi cho dê

- Xung quanh chuồng nuôi phải có hàng rào bảo vệ có thể làm bằng tre, gỗ hoặc sắt nhưng phải đảm bảo chắc chắn để dê không ra khỏi được khu vực chăn nuôi, nên trồng cây tạo bóng mát.

1.3. DỤNG CỤ CHĂN NUÔI

- Máng ăn

Chuồng dê phải có máng thức ăn thô xanh và máng thức ăn tinh. Máng cỏ nên đặt ở phía trước, ngoài thành lồng, có lỗ cho dê thò đầu ra ngang tầm vai để dê lấy thức ăn và tránh thức ăn rơi vãi ra ngoài (cách sàn 0,2 - 0,5 m tùy loại dê). Máng ăn cỏ nên có kích thước cao 0,2 - 0,3 m, rộng 0,25 - 0,35 m và chiều dài tùy theo ngăn ô chuồng. Máng thức ăn tinh có thể treo bên ngoài hoặc bên trong lồng, cạnh cửa, có thể làm bằng gỗ cao 0,15 - 0,25 m, rộng 0,2 - 0,25 m, dài tùy theo ô chuồng hoặc chậu sành hay chậu nhựa.



Máng ăn cho dê



Máng uống cho dê

- *Máng uống*: Máng uống đặt ở trong hoặc ngoài mỗi ngăn chuồng để dê uống nước tự do. Có thể dùng xô, chậu gắn vào vách ngăn ô chuồng.

- Cũi dê con: Dê con trước 21 ngày tuổi cần được nuôi trong cũi để đảm bảo được vệ sinh, tăng tỷ lệ nuôi sống. Cũi nên làm bằng nan gỗ hoặc tre có bản rộng 2 - 3 cm, nhẵn, cứng.

+ Cũi có chiều cao 0,8 m, dài 1 - 1,5 m, rộng 1 - 1,2 m để có thể nhốt 2 - 4 dê con.

+ Sàn cũi có khe hở 1 cm để làm vệ sinh được tốt. Sàn có lót rơm hoặc cỏ khô mềm cho dê con nằm.

+ Cũi dê con cần đặt nơi kín gió, có rèm che lúc cần thiết.

- Các dụng cụ chăn nuôi khác: Rèm che, chổi que, cuốc, xẻng, thùng đựng thức ăn, ca múc thức ăn, máy bơm nước, thùng xách nước, dụng cụ vệ sinh máng ăn, máng uống, bóng điện chiếu sáng, đèn sưởi (bóng điện, bóng hồng ngoại, đèn gas...), quần áo bảo hộ lao động.



PHẦN 2

CHỌN GIỐNG DÊ NUÔI HỮU CƠ

2.1. TIÊU CHUẨN CON GIỐNG

- Chọn giống dê phù hợp với điều kiện môi trường và sản xuất tại địa phương, đồng thời có khả năng đề kháng một số bệnh và ký sinh trùng phổ biến.
- Con giống phải được chọn từ cơ sở chăn nuôi hữu cơ, nếu không có con giống hữu cơ thì có thể chọn dê nuôi thông thường ít hơn 60 ngày tuổi, số lượng con cái giống có thể thay đổi hàng năm tối đa là 20%, tỷ lệ này có thể tăng lên đến 40% khi nuôi giống mới, thay đổi giống mới hoặc mở rộng trang trại.
- Việc nhân giống dựa trên hình thức sinh sản tự nhiên là chính, được phép thụ tinh nhân tạo nhưng không khuyến khích sử dụng phương pháp này.
- Cấm sử dụng kỹ thuật cấy phôi và nhân bản, hormon kích thích sinh sản.

2.2. MỘT SỐ GIỐNG DÊ

Dê cỏ

- Dê có màu lông chủ yếu là màu đen, vàng, nâu và cánh gián hoặc đen loang trắng.
- Khối lượng sơ sinh bình quân 1,7 - 1,9 kg, 6 tháng tuổi 11 - 12 kg, trưởng thành dê cái 25 - 30 kg, dê đực 30 - 45 kg. Khả năng cho sữa 350 - 370 g/ngày, chu kỳ tiết sữa 90 - 105 ngày.
- Tuổi phối giống lần đầu 6 - 7 tháng, đẻ 1,4 lứa/năm và 1,3 con/lứa.

Dê Bách thảo

- Dê có màu lông đen loang trắng ở mặt, tai, bụng và 4 chân, tai to cụp xuống.
- Khối lượng sơ sinh dê cái 2,3 - 2,6 kg và dê đực 2,6 - 2,8 kg, 6 tháng tuổi 19 - 20 kg, trưởng thành dê cái 40 - 45 kg và dê đực 75 - 90 kg.
- Tuổi phối giống lần đầu 7 - 8 tháng tuổi, đẻ bình quân 1,7 con/lứa và 1,8 lứa/năm.
- Khả năng cho sữa cao 1,1 - 1,5 kg/con/ngày, chu kỳ tiết sữa 148 - 150 ngày.



Dê cỏ



Dê Bách thảo

Dê Barbari

- Nguồn gốc từ Ấn Độ, có màu lông vàng loang đốm trắng như hươu sao, tai nhỏ thẳng.
- Khối lượng dê sơ sinh 2 - 2,5 kg, trưởng thành dê cái 30 - 35 kg và dê đực 50 - 55 kg.
- Dê 1,8 con/lúa và 1,7 lúa/năm, sản lượng sữa 0,9 - 1 kg/ngày, chu kỳ 145 - 150 ngày.
- Dê ăn rất tạp, chịu đựng kham khổ tốt, hiền lành, phù hợp với hình thức chăn nuôi ở nước ta.

Dê Alpine

- Là giống dê sữa của Pháp, có màu lông chủ yếu màu vàng, đôi khi đen, đốm trắng, tai nhỏ và thẳng.
- Khối lượng trưởng thành dê cái 40 - 45 kg, dê đực 70 - 80 kg.
- Sản lượng sữa 2,5 - 3 kg/ngày, năng suất 900 - 1.000 lít/1 chu kỳ cho sữa 240 - 250 ngày.

Dê Saanen

- Là giống dê sữa của Thụy Sĩ, có màu lông trắng, tai vểnh nhỏ.
- Khối lượng dê sơ sinh 2,5 - 3 kg, 6 tháng tuổi 25 - 30 kg, trưởng thành dê cái 50 - 55 kg và dê đực 65 - 75 kg.
- Dê đẻ 1,4 con/lúa và 1,5 lúa/năm, sản lượng sữa 3 - 3,5 lít/ngày, năng suất sữa 1.000 - 1.200 kg/chu kỳ 290 - 300 ngày.



Dê Barbari



Dê Alpine



Dê Saanen

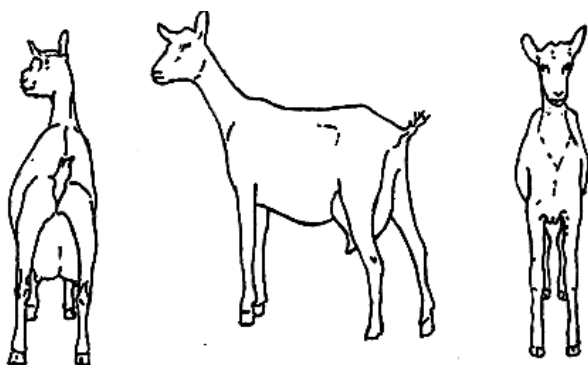
2.3. CHỌN LỌC ĐÊ GIỐNG

2.3.1. Chọn lọc dê con

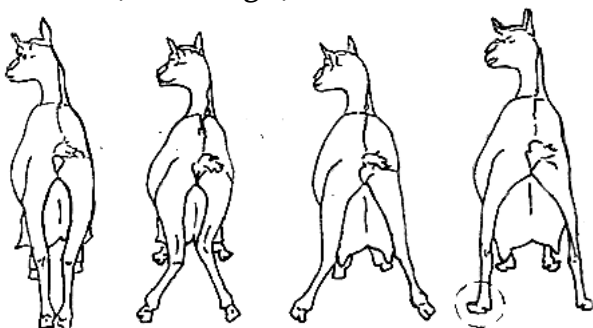
- Khối lượng sơ sinh phải đạt dê cái 2,5 kg và dê đực 3,0 kg.
- Khối lượng cai sữa dê cái đạt 6,5 kg, dê đực đạt 7,5 kg trở lên mới được chọn làm hậu bị.
- Các dê được chọn phải là con từ các lứa đẻ sinh đôi trở lên của các dê mẹ.
- Con của dê mẹ đẻ từ lứa thứ hai trở đi đến lứa thứ 8.
- Con của bố đang ở độ tuổi phối giống từ năm thứ 2 đến năm thứ 5.

2.3.2. Chọn lọc dê cái giống

- Chọn những dê cái từ con của những bố tốt.
 - Dê bố mẹ có lý lịch rõ ràng, có các chỉ tiêu sản xuất đạt xuất sắc so với nhóm giống, phẩm giống.
 - Khả năng sản xuất của dê mẹ cao, đẻ từ lứa thứ 2 trở đi.
 - Khả năng phối giống, thụ thai của bố ít nhất đạt từ 85% trở lên.
 - Là con của dê mẹ đẻ 2 con.
- Theo dõi đời con của các dê cái giống này để có kết luận cuối cùng.
- Chọn những con có ngoại hình đẹp, mình rộng, ngực nở, bụng to, thân mình cân đối khoẻ mạnh, chân thẳng và vững chắc, da mềm, lông bóng mượt, bộ phận sinh dục nở nang.
- Khối lượng đạt chuẩn theo quy định thì sẽ được phối giống để sinh sản.



Đặc điểm ngoại hình dê cái tốt



Đặc điểm ngoại hình dê cái không tốt

2.3.3. Chọn lọc dê đực giống

- Chọn những dê đực từ con của những bố tốt.
- Theo dõi đời con của các dê đực giống này để có kết luận cuối cùng.
- Chọn những con có ngoại hình đẹp, cổ kết hợp hài hòa với đầu, tứ chi vững chãi và thẳng.
- Hai dịch hoàn to đều.
- Dáng điệu nhanh nhẹn, hoạt bát, tính dục hăng.
- Đạt khối lượng quy định lúc đến tuổi phối giống.

2.3.4. Quản lý dê đực giống

- Chọn dê đực có năng suất cao ghép với dê cái có năng suất cao nhất theo hướng sản xuất đã định.

- Luân chuyển đực giống:

+ Tuyệt đối không cho dê đực giống phối với dê cái có quan hệ huyết thống (anh chị em ruột hoặc là con cháu) nhằm tránh suy thoái cận huyết.

+ Tiến hành đảo dê đực giống theo nhóm các gia đình.

Cứ 4 - 5 gia đình chăn nuôi dê lập thành một nhóm để luân chuyển đảo dê đực phối giống theo sơ đồ sau:

Năm 1:	C1 × ĐI	C2 × ĐI	C3 × ĐIII	C4 × ĐIV	C5 × ĐV
Năm 2:	C1 × ĐII	C2 × ĐIII	C3 × ĐIV	C4 × ĐV	C5 × ĐI
Năm 3:	C1 × ĐIII	C2 × ĐIV	C3 × ĐV	C4 × ĐI	C5 × ĐII
Năm 4:	C1 × ĐIV	C2 × ĐV	C3 × ĐI	C4 × ĐII	C5 × ĐIII
Năm 5:	C1 × ĐV	C2 × ĐI	C3 × ĐII	C4 × ĐIII	C5 × ĐIV

Ghi chú:

- C1, C2, C3, C4, C5: Đàn cái 1, 2, 3, 4, 5.

- ĐI, ĐII, ĐIII, ĐIV, ĐV: Đực giống số 1, 2, 3, 4, 5.



PHẦN 3

CHUẨN BỊ THỨC ĂN NUÔI DÊ HỮU CƠ

3.1. YÊU CẦU VỀ THỨC ĂN HỮU CƠ

- Hộ chăn nuôi dê cần cung cấp 100% thức ăn hữu cơ cho vật nuôi kể từ khi bắt đầu chuyển đổi sang hữu cơ.

- Hộ chăn nuôi phải tự cung cấp được tối thiểu 50% lượng thức ăn hữu cơ (tính theo chất khô) theo nhu cầu của vật nuôi bao gồm lượng thực vật tại khu vực chăn thả tự nhiên, lượng thức ăn thu hoạch từ tự sản xuất và thức ăn mua về từ cơ sở hợp tác sản xuất hữu cơ trong khu vực. Trong trường hợp hộ chăn nuôi không tự sản xuất thức ăn hữu cơ, thì có thể liên kết với cơ sở trồng trọt hữu cơ trong vùng để đảm bảo lượng thức ăn như yêu cầu của tiêu chuẩn. Tuy nhiên, hộ liên kết phải trồng trọt theo phương pháp hữu cơ và phải cam kết về tính toàn vẹn sản phẩm hữu cơ (thường thể hiện trong hợp đồng cung cấp hoặc thỏa thuận hợp tác giữa 2 bên). Một số yêu cầu cụ thể:

- Hộ chăn nuôi cần cung cấp kiến thức, hướng dẫn cụ thể các yêu cầu về sản xuất thức ăn hữu cơ cho hộ liên kết đáp ứng các yêu cầu theo quy định (theo TCVN 11041-1:2017 và 11041-2:2017).
- Cơ sở liên kết phải đảm bảo ghi nhận và lưu trữ đầy đủ các thông tin từ đầu vào đến đầu ra của quá trình sản xuất thức ăn.
- Trong quá trình sản xuất nếu có vấn đề phát sinh đối với cây trồng và sản phẩm phải được kịp thời thông báo đến hộ chăn nuôi để có phương án thay thế và biện pháp xử lý đối với lô sản phẩm không đáp ứng yêu cầu.

- Trong thời gian chuyển đổi, vật nuôi được duy trì trạng thái hữu cơ bằng cách cung cấp thức ăn, ít nhất là 70% (tính theo chất khô) hữu cơ.

- Trong quá trình chăn nuôi nếu hộ chăn nuôi chứng minh được rằng không thể cung cấp cho vật nuôi 100% thức ăn hữu cơ vì các sự cố bất ngờ do thiên nhiên hay con người gây ra hoặc do các điều kiện khí hậu quá khắc nghiệt, thì phải sử dụng tỷ lệ thức ăn hữu cơ (tính theo chất khô) không ít hơn 90%, số liệu cụ thể được tính dựa trên nhu cầu thức ăn chăn nuôi hàng năm.

- Khẩu phần ăn cho dê hữu cơ phải đáp ứng các yêu cầu: Dê non phải được uống sữa mẹ trong thời gian ít nhất 6 tuần; Dê trưởng thành phải được cho ăn thức ăn thô dưới dạng tươi, khô, ủ chua đảm bảo không ít hơn 60% chất khô mỗi ngày.

- Nước uống cho dê hữu cơ phải đáp ứng yêu cầu về ATTP theo quy định hiện hành.

- Việc bổ sung phụ gia vào thức ăn chăn nuôi, chất hỗ trợ chế biến và các chất dinh dưỡng để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng duy trì sức khỏe và quyền lợi vật nuôi, nhu cầu sinh lý và tập tính vốn có của vật nuôi phải đảm bảo chỉ dùng các chất trong danh mục quy định của tiêu chuẩn TCVN 11041-3:2017. Cụ thể:

- Các nguyên liệu này không chứa các sinh vật biến đổi gen và sản phẩm từ chúng.
- Không nên sử dụng thức ăn có nguồn gốc từ động vật có vú, trừ sữa và các sản phẩm sữa, thủy sản và sản phẩm thủy sản.

- Khoáng chất, các nguyên tố vi lượng, vitamin, tiền chất chỉ được sử dụng nếu chúng có nguồn gốc tự nhiên. Trường hợp bắt buộc phải cung cấp trong giai đoạn ngắn hoặc bắt buộc thì có thể sử dụng các nguyên liệu tổng hợp nhưng phải kiểm soát được nguồn gốc và quá trình sản xuất rõ ràng đảm bảo nguyên tắc hữu cơ.
 - Không sử dụng các hợp chất nitơ tổng hợp hoặc nitơ phi protein.
 - Chỉ sử dụng các chất phụ gia và các chất hỗ trợ chế biến có nguồn gốc tự nhiên, có thể dùng probiotic, enzyme và vi sinh vật nhưng không phải dạng biến đổi gen.
 - Không được sử dụng thuốc kháng sinh, chất kích thích sinh trưởng hoặc bất cứ chất nào nhằm kích thích sinh trưởng hoặc chất kích thích sinh sản làm thức ăn.
 - Có thể sử dụng muối biển, muối mỏ, nấm men, enzyme, whey, đường, các sản phẩm từ đường (ví dụ: rỉ mật) và mật ong để làm chất phụ gia và chất hỗ trợ để ủ chua thức ăn nhưng không được có nguồn gốc biến đổi gen. Trong điều kiện không thích hợp cho lên men, có thể sử dụng các vi khuẩn sinh axit (axit lactic, axit axetic, axit formic và axit propionic) hoặc các sản phẩm axit tự nhiên.
- Thức ăn chăn nuôi dê hữu cơ và thức ăn chăn nuôi không hữu cơ phải đảm bảo được nhận diện và được bảo quản tách biệt tránh nhầm lẫn.

3.2. CÁC LOẠI THỨC ĂN

Thức ăn xanh

- *Cây cỏ tự nhiên*: Các loại cây cỏ mọc tự nhiên ở bãi chăn, các loại lá cây như mít, keo tai tượng, chuối, xoan... là những loại thức ăn xanh thích hợp với đặc tính tiêu hóa của dê. Dê có thể ăn được hầu hết các loại lá cây và cỏ trong tự nhiên các loại cỏ này phải tuân thủ theo tiêu chuẩn vùng đồng cỏ hữu cơ.
- *Các loại cỏ trồng*: Cỏ voi năng suất cao đạt 80 - 200 tấn/ha/năm có thể thu cắt 6 - 8 lứa/năm, cỏ Ghi nê sản lượng 60 - 80 tấn/ha/năm, cỏ Pangola sản lượng chất xanh đạt 40 - 60 tấn/ha/năm có thể thu hoạch 5 - 6 lứa/năm, cỏ Ruzi năng suất cỏ đạt 60 - 90 tấn/ha/năm có thể thu cắt từ 7 - 9 lứa/năm, cây chè khổng lồ năng suất chất xanh đạt 70 - 80 tấn/ha/năm, cây keo dậu, cây ngô... các loại cỏ này được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.
- *Các loại rau và lá cây*: Rau muống, rau dền, dây lang, su hào, bắp cải, hoa lơ, cải cúc, rau ngót, lá chuối, dây lang, cây lạc, cây đậu, lá sắn, lá mít, lá tre, lá chè tươi, dâm bụt,... có nguồn gốc tự nhiên hoặc sản xuất theo phương pháp hữu cơ.

Các loại thức ăn tinh:

- Ngô, cám ngô, cám gạo, cao lương... các loại nguyên liệu này được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.

Thức ăn giàu đạm:

- Đậu tương, khô dầu dừa, khô dầu đậu tương, bột lá cây keo dậu, bột cá... các loại nguyên liệu này được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.

Các loại thức ăn khác:

- Khoai lang, khoai tây, chuối, bí đỏ, dưa gang, su hào, cà rốt, các loại bã bột (từ sắn, dong riềng, sắn dây,...), bồng bia, bồng rượu, các loại bã hoa quả ép... các loại nguyên liệu này được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.

Thức ăn bổ sung:

- Khoáng đa lượng, khoáng vi lượng,... rỉ mật có nguồn gốc tự nhiên.

3.3. TỶ LỆ CÁC LOẠI THỨC ĂN TRONG KHẨU PHẦN

Tỷ lệ thức ăn trong khẩu phần cho dê

STT	Loại thức ăn	Tỷ lệ (%)
1	Cỏ lá xanh	69
2	Lá mít, lá sắn...	23
3	Thức ăn hỗn hợp	8

- Đối với khoáng, vitamin có nguồn gốc hữu cơ có thể bổ sung vào khẩu phần.

- Đối với thức ăn tinh có thể tự phối trộn từ các nguyên liệu hữu cơ hoặc mua thức ăn hỗn hợp hữu cơ sử dụng cho dê.

3.4. Ủ CHUA THỨC ĂN

Chuẩn bị thức ăn:

- Cỏ dại, cỏ Voi, cỏ Guinea, thân cây ngô ngâm sữa, thân cây ngô ngay sau khi thu bắp, ngọn mía, thân lá sắn, rau già, dây lạc, dây khoai... phải được làm sạch, phơi héo 6 - 12 giờ để hàm lượng đảm bảo 65% - 70%, cắt ngắn nguyên liệu 3 - 4 cm.

Chuẩn bị hố ủ:

- Dùng túi nilon : Nên chọn loại túi sẫm màu, có độ dày trên 0,2 mm.
- Dung tích hố: Hố có dung tích vừa phải, lượng thức ăn đủ cho gia súc ăn trong vòng 10 - 15 ngày/hố, không quá 1 tháng. Trong điều kiện chăn nuôi nông hộ hố ủ với thể tích khoảng 1,5 m³ (1m × 1m × 1,5m). Phía trên cần có mái che hố ủ để tránh nước mưa ngấm vào, trường hợp không có mái che thì phải đắp một lớp đất dày 50 cm lên mặt và đầm nén thật chặt.

Kỹ thuật ủ chua thức ăn

Bước 1: Kiểm tra hố ủ và thức ăn trước khi ủ

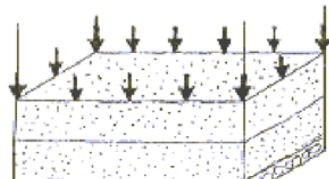
Trước khi ủ cần kiểm tra kỹ hố ủ và thức ăn đã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chưa.

Bước 2: Cho thức ăn vào hố ủ hoặc túi ủ và nén chặt

- Lần lượt cho thức ăn vào hố theo từng lớp dày khoảng 15 - 20 cm, rồi nén chặt. Có thể dùng máy đầm nén, nén bằng chân (hố nhỏ 1 - 2 m³), nhưng rất cần được nén chặt.
- Chú ý: Nén chặt các góc của hố ủ.
- Mỗi lớp có thể rắc bổ sung thêm một ít hỗn hợp các nguyên liệu sau:
 - Rỉ mật hay đường 3 - 7%.
 - Muối ăn hoặc CaCO₃ 0,5 - 2%.
 - Cám gạo, bột sắn, bột ngô... 3 - 7%.
 - Enzyme.
- Cứ tiến hành tương tự như vậy cho đến khi nào đầy hố ủ hoặc túi ủ thì thôi.

Bước 3: Đậy kín hố ủ hoặc buộc chặt miệng túi ủ

- Khi hố ủ đã đầy cần phải che kín bằng lá chuối tươi, lá cọ, bao tải dứa, tốt nhất là nilon.
- Sau đó phủ một lớp đất dày chừng 30 - 40 cm và nén chặt.
- Đối với túi nilon thì tiến hành buộc kín miệng túi.



Cách giãm thức ăn trong hố ủ

Bước 4. Bao gói bảo quản

- Có thể mở bể ủ để lấy thức ăn cho dê sau khi ủ trên tuần, mở bể tại 1 vị trí sau đó đóng kín lại cẩn thận, mỗi ngày chỉ lấy 1 lần.
- Lượng thức ăn ủ chua sử dụng cho mỗi con và cả đàn tùy thuộc vào lượng thức ăn thô xanh cần thay thế trong khẩu phần.



PHẦN 4

NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC DÊ HỮU CƠ

4.1. YÊU CẦU VỀ NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC

- Quá trình nuôi dưỡng chăm sóc dê cần được thực hiện cẩn thận, có trách nhiệm và đảm bảo sức khỏe, các phúc lợi động vật.
 - Các phương pháp sinh sản phải tuân theo nguyên tắc:
 - + Giống vật nuôi phải thích nghi với điều kiện địa phương và có khả năng chống chịu bệnh;
 - + Trong nhân giống vật nuôi nên chủ yếu sử dụng các phương pháp sinh sản tự nhiên. Được phép thụ tinh nhân tạo nhưng không khuyến khích phương pháp này;
 - + Cấm dùng kỹ thuật ghép phôi và biện pháp kích thích sinh sản bằng hormon;
 - Trong quản lý chăn nuôi dê hữu cơ, không cho phép các hoạt động gây tác động vật lý đến cơ thể vật nuôi như cắt ngọt móng, cưa sừng, trừ khi:
 - + Cắt ngọt móng, cưa sừng vật nuôi vì lý do an toàn và sức khỏe của vật nuôi;
 - + Có thể đánh số vật nuôi, ví dụ đánh số tai, nhưng không được dùng nhiệt;
- Lưu ý: Tất cả các hoạt động nêu trên phải được tiến hành giảm thiểu sự đau đớn cho vật nuôi. Cần dùng thuốc gây mê, gây tê một cách thích hợp.*
- Các điều kiện về môi trường và chuồng trại, cụ thể:
 - + Có đủ diện tích cho vật nuôi vận động tự do và thể hiện tập tính tự nhiên;
 - + Được nuôi giữ theo nhóm thích hợp;
 - + Phòng ngừa các hành vi bất thường, chấn thương và dịch bệnh;
 - + Có sự chuẩn bị trong các trường hợp khẩn cấp như mất điện, cháy nổ, thiết bị gặp sự cố, việc cung cấp thức ăn bị gián đoạn...

+ Việc vận chuyển vật nuôi sống cần thực hiện cẩn thận, nhẹ nhàng, tránh làm cho động vật bị căng thẳng, hoảng loạn, chấn thương hoặc đau đớn. Không được sử dụng roi điện và thuốc thú y, chất hóa học gây tác động đến hành vi như chất kích thích, thuốc an thần. Các sản phẩm (sữa) phải được nhận diện rõ ràng để tránh bị ô nhiễm hoặc bị trộn lẫn với sản phẩm từ vật nuôi không theo phương pháp hữu cơ.

- Đối với quản lý sức khỏe vật nuôi hữu cơ, phòng bệnh luôn là biện pháp phải được ưu tiên hàng đầu. Hộ chăn nuôi cần tuân thủ các nguyên tắc dưới đây:

+ Tuyển chọn giống vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương;

+ Áp dụng các biện pháp thực hành chăn nuôi phù hợp;

+ Cung cấp đủ thức ăn hữu cơ có chất lượng tốt, kết hợp với việc cho vật nuôi thường xuyên vận động và để chúng được tiếp xúc với đồng cỏ và/hoặc khu vận động ngoài trời nhằm tăng miễn dịch tự nhiên của vật nuôi.

+ Đảm bảo mật độ nuôi thả vật nuôi thích hợp nhằm tránh số lượng quá đông và tránh gây ra các vấn đề về sức khỏe.

+ Áp dụng các biện pháp an toàn sinh học (vệ sinh vật nuôi, sử dụng vaccin, dịch chiết sinh học, kiểm dịch động vật, kiểm dịch vật nuôi mới) một cách hiệu quả.

+ Trong quá trình chăn nuôi nếu động vật bị ốm hoặc bị thương thì phải được chữa trị kịp thời và đầy đủ. Cơ sở chăn nuôi phải cách ly động vật ở nơi thích hợp và sử dụng các cây thuốc truyền thống để chữa trị. Không được dùng các

cách cứu chữa cho vật nuôi trong mọi trường hợp để không làm cho vật nuôi phải chịu đựng những đau đớn không cần thiết, cho dù việc sử dụng thuốc sẽ làm mất tình trạng hữu cơ của vật nuôi. Phải lưu hồ sơ chi tiết về việc điều trị, thuốc thú y đã dùng và thời gian thải hồi thuốc.

+ Việc sử dụng thuốc trong chăn nuôi hữu cơ phải đảm bảo nguyên tắc sau:

- Trong trường hợp khi xảy ra hoặc có thể xảy ra dịch bệnh đặc biệt hoặc vấn đề về sức khỏe vật nuôi, có thể sử dụng thuốc thú y, thuốc diệt kí sinh trùng nếu không có cách xử lý hoặc phương thức quản lý nào khác hoặc theo quy định pháp luật về tiêm phòng cho vật nuôi;
- Ưu tiên sử dụng các loại thảo dược, các nguyên tố vi lượng, hoặc các loại thuốc thay thế hơn là thuốc kháng sinh, thuốc thú y tổng hợp hóa học, trong các điều kiện thích hợp và tùy theo loài vật nuôi được liệt kê trong danh mục của tiêu chuẩn chăn nuôi hữu cơ TCVN 11041-3:2017.



- Trường hợp sử dụng các chất nêu trên mà không đem lại hiệu quả thì có thể sử dụng thuốc kháng sinh, thuốc thú y tổng hợp hóa học theo chỉ dẫn của cán bộ thú y nhưng phải đảm bảo thời gian đào thải gấp đôi khuyến cáo của nhà sản xuất và tối thiểu là 48 giờ.
- Trừ trường hợp tiêm chủng và điều trị kí sinh trùng, nếu vật nuôi hoặc nhóm động vật được điều trị nhiều hơn 3 lần bằng thuốc thú y tổng hợp hoá học trong vòng 12 tháng hoặc nhiều hơn một lần điều trị nếu vòng đời sản xuất của vật nuôi ngắn hơn một năm thì vật nuôi có liên quan hoặc sản phẩm có nguồn gốc từ chúng sẽ không được bán làm sản phẩm hữu cơ và vật nuôi phải trải qua thời kỳ chuyển đổi quy định của tiêu chuẩn chăn nuôi hữu cơ TCVN 11041-3:2017.
- Tuyệt đối không sử dụng thuốc kháng sinh, thuốc thú y với mục đích phòng bệnh, không sử dụng các chất điều hòa tăng trưởng hoặc các chất kích thích tăng trưởng. Việc điều trị bằng hoóc môn chỉ với mục đích chữa bệnh và phải có sự giám sát của cán bộ thú y.



4.2. NUÔI DƯỠNG DÊ

4.2.1. Nuôi dưỡng dê đực

- Thức ăn cho dê đực giống: Thông thường cứ 1 dê đực nặng 50 kg một ngày cho ăn 4 kg cỏ xanh; 1,5 kg lá cây giàu protein và 0,4 kg thức ăn tinh.
- Cho dê ăn: Mỗi ngày cho 2 lần thức ăn tinh, thức ăn bổ sung vào buổi sáng và buổi chiều. Sau khi cho ăn thức ăn tinh, mới được ăn thức ăn thô, cỏ hoặc chăn thả.
- Cho uống nước tự do, nhu cầu nước của dê bằng 4 lần nhu cầu vật chất khô (VCK) trong ngày.

4.2.2. Nuôi dưỡng dê cái hậu bị

- Nuôi dê hậu bị theo khẩu phần quy định để tăng khả năng sinh trưởng phát triển cơ thể phù hợp, không nên sử dụng bằng thức ăn giàu năng lượng như ngô, sắn, gạo, tinh bột hỗn hợp. Cho ăn đầy đủ thức ăn thô xanh (2 - 5 kg/ngày) bằng 65 - 75% vật chất khô tổng khẩu phần ăn hàng ngày, phần còn lại bổ sung bằng thức ăn tinh và phụ phẩm nông nghiệp.



Cho dê ăn thức ăn xanh

- Đối với các loại thức ăn mới, các phụ phẩm nông công nghiệp cần tập ăn và tăng dần từ ít đến nhiều để phù hợp với khả năng tiêu hóa của dê thường một ngày cho ăn 0,1 - 0,5 kg/con.

- Hàng ngày dê cần một lượng thức ăn tính theo vật chất khô bằng 3,5% trọng lượng cơ thể. Ví dụ dê có trọng lượng 50 kg thì một ngày cần cho ăn là 1,75 kg vật chất khô.

- Dê hướng thịt thì cần ít hơn (dưới 3%), dê hướng sữa cần nhiều hơn (4%).

- Cách cho dê ăn: Mỗi ngày cho 2 lần vào buổi sáng và buổi chiều, cho dê ăn thức ăn tinh trước và sau đó cho thức ăn xanh hoặc chăn thả.

- Cách cho dê uống: Áp dụng cho dê uống nước tự do, đảm bảo đủ cung cấp nước sạch cho dê.



4.2.3. Nuôi dưỡng dê chữa và nuôi con

- Nguyên tắc chung là cần đảm bảo nhiều thức ăn thô xanh, nhưng cần cung cấp thêm cỏ khô, rơm khô, thức ăn tinh, khoáng chất...
- Thời kỳ chữa đầu cho ăn thức ăn thô xanh là chủ yếu, giai đoạn chữa cuối nên giảm các thức ăn thô cứng, ưu tiên sử dụng các loại thức ăn cắt, nghiền nhỏ, có chất lượng cao.
- Giai đoạn chữa kỳ 1 bào thai chủ yếu hoàn thiện các cơ quan bộ phận, trọng lượng bào thai tăng trọng chậm nên giai đoạn này có thể sử dụng nhiều thức ăn thô xanh.

Cỏ khô: 0,5 - 1,0 kg/10 kg trọng lượng cơ thể

Cỏ xanh: 1,5 kg/10 kg trọng lượng cơ thể

Thức ăn ủ xanh: 0,4 - 0,5 kg/10 kg trọng lượng cơ thể

- Giai đoạn chữa kỳ 2 trọng lượng bào thai tăng nhanh nên ưu tiên sử dụng các loại thức ăn có dung tích bé, có chất lượng cao, dễ tiêu hóa.

Cỏ khô: 0,2 - 0,5 kg/10 kg trọng lượng cơ thể

Cỏ xanh: 0,8 kg/10 kg trọng lượng cơ thể

Thức ăn ủ xanh: 0,4 - 0,5 kg/10 kg trọng lượng cơ thể

Thức ăn tinh: 20 - 30% theo tiêu chuẩn ăn

- Nên ngừng cho ăn thức ăn ủ xanh trước khi đẻ 10 - 15 ngày.

- **Giai đoạn dê đẻ:**

Trước khi dê sắp đẻ cần giảm lượng thức ăn tinh và thức ăn nhiều nước. Sau khi dê đẻ 30 phút cho dê ăn nước cháo ấm có pha thêm một ít muối và thức ăn tinh và cho uống nước đầy đủ; chú ý hạn chế thức ăn thô xanh.

- **Giai đoạn nuôi con:**

Cần đảm bảo cho dê mẹ ăn đủ no: Một ngày cần cung cấp cho dê mẹ 3 - 4 kg cỏ tươi, 0,2 - 0,3 kg thức ăn tinh và bổ sung thức ăn giàu đạm.

Khẩu phần ăn của dê cái có chữa

Trọng lượng (kg)	Cỏ tươi (kg)	Rơm, cỏ khô (kg)	Thức ăn tinh (kg)	Muối ăn (g)	Khô dầu (g)
30	2,4	0,3	0,1	20	10
35	2,6	0,3	0,1	20	10
40	3,2	0,3	0,1	20	10
45	3,6	0,3	0,1	30	15
50	4	0,3	0,1	30	15
55	4	0,3 - 0,5	0,25	30	15

Khẩu phần ăn của dê cái có chữa

Thời gian chữa	Cỏ tươi (kg)	Cỏ khô (kg)	Củ quả (kg)	Muối (g)
3 tháng đầu	2,5			25
Tháng thứ 4	2,5		0,3	35
Tháng thứ 5	2,5	0,5	0,3	45

Quy đổi một số loại thức ăn ra cỏ tươi như sau:

1 kg cỏ khô thay thế 3 - 4 kg cỏ tươi

1 kg củ quả thay thế 1,2 - 2 kg cỏ tươi

1 kg ủ chua thay thế được 5 kg cỏ tươi

- Cách cho ăn:

+ Mỗi ngày dê cần một lượng thức ăn tính theo vật chất khô bằng 3,5% trọng lượng cơ thể. Dê hướng thịt thì cần ít hơn (dưới 3%), dê hướng sữa cần nhiều hơn (4%).

Ví dụ một con dê cái Bách thảo nặng 35 kg thì cần lượng vật chất khô là $35 \text{ kg} \times 4\% = 1,4 \text{ kg}$. Với nhu cầu 65% vật chất khô từ thức ăn thô xanh (0,91 kg) và 35% từ thức ăn tinh (0,41 kg).

+ Khi cho dê ăn loại thức ăn thô xanh chứa 20% vật chất khô và thức ăn tinh chứa 90% vật chất khô, chúng ta sẽ tính được lượng thức ăn cần thiết cho dê trong ngày như sau:

Thức ăn thô xanh: $0,91 \text{ kg} : 0,20 = 4,55 \text{ kg}$

Thức ăn tinh: $0,49 \text{ kg} : 0,90 = 0,54 \text{ kg}$

+ Mỗi ngày cho 2 - 3 bữa vào buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều. Cho dê ăn thức ăn tinh trước và thức ăn xanh sau hoặc lẫn thả.

- Cho dê uống nước tự do, nhu cầu nước của dê bằng 4 lần nhu cầu vật chất khô trong ngày. Dê sữa nhu cầu 3-5 lít/ngày, cứ sản xuất ra 1 lít sữa thì dê cần 1,3 lít nước.

4.2.4. Nuôi dưỡng dê con

a. Giai đoạn từ 1 đến 15 ngày tuổi

- Dê con sau khi đẻ được hộ lý, sau khi đẻ 20 - 30 phút cho dê con bú sữa đầu ngay.
- Nếu dê con mới đẻ yếu cần giúp dê con tập bú, hoặc vắt sữa đầu cho con bú bằng bình 1 ngày từ 3 - 4 lần.
- Nếu dê mẹ không cho con bú thì phải ép cho bú bằng cách giữ chặt dê mẹ vắt bỏ tia sữa đầu rồi vắt ít sữa vào miệng dê con cho quen dần, sau đó giữ nguyên cho con bú no tiếp tục làm như vậy cho đến khi dê mẹ chịu cho dê con bú trực tiếp.
- Không để dê con thiếu sữa đầu sẽ dẫn đến sinh trưởng chậm và dễ mắc bệnh và cần phải giữ ấm cho dê con.

b. Giai đoạn 16 đến 45 ngày tuổi

- Tách dê con khỏi dê mẹ để vắt sữa: Đối với những dê có năng suất sữa trên 1 lít/ngày, thường vắt sữa 2 lần/ngày vào buổi sáng và buổi chiều. Dê con được cho vào bú sữa ngay sau khi vắt sữa để khai thác hết sữa của dê mẹ, sau đó cho dê con bú thêm từ 300 - 350 ml/ngày (2 - 3 lần/ngày) tùy theo lượng sữa mà dê con đã bú được trực tiếp từ dê mẹ, nhưng phải đảm bảo tổng lượng sữa cung cấp cho dê con trong ngày từ 450 - 600 ml/con (có thể xác định lượng sữa dê con bú bằng cách cân dê con trước và sau khi bú mẹ).
- Đối với chăn nuôi gia đình nuôi dê sữa: Dê có năng suất sữa dưới 1 lít/ngày, áp dụng phương thức tách dê con khỏi dê mẹ vào ban đêm (từ 5h chiều nay đến 6h30 sáng hôm sau) và vắt sữa 1 lần/ngày vào buổi sáng. Cho dê con theo bú mẹ cả ngày, không cho dê con bú thêm sữa bằng bình nữa.

c. Giai đoạn từ 46 đến 90 ngày tuổi

- Cho dê uống 600 ml sữa/con/ngày rồi giảm dần xuống 400 ml sữa/con/ngày, chia 2 lần/ngày.

- Sữa dê hay sữa thay thế trước khi cho bú cần được hâm nóng 38 - 40°C. Nút vú, bình vú, chai đựng sữa phải được rửa sạch, tiệt trùng trước và sau khi cho dê bú, vệ sinh sạch nền chuồng sau khi dê con bú.

- Lưu ý:

+ Từ 15 ngày tuổi trở đi bắt đầu tập cho dê con ăn các loại thức ăn dễ tiêu như: bột cám, bột ngô, bột đỗ tương rang đặc biệt là các loại cỏ lá non, khô sạch...

+ Từ 24 - 45 ngày tuổi cho ăn 30 - 35 g thức ăn tinh/ngày.

+ Từ 46 - 90 ngày tuổi cho ăn 50 - 100 g thức ăn tinh/ngày.

+ Lượng thức ăn tăng dần đến khi dê con tự ăn không cần đến sữa mẹ.

+ Cần cung cấp thoải mái nước uống sạch cho dê con.

d. Cai sữa cho dê

- Tiến hành cai sữa cho dê con lúc đạt 3 tháng tuổi, vì lúc này dê con có thể sống hoàn toàn bằng thức ăn thô chất lượng cao.

- Khi cai sữa tách hoàn toàn dê mẹ ra khỏi dê con để dê con không bú được nữa.

- Đối với dê sữa thì cai sữa sớm để khai thác sữa, còn dê nuôi thịt thì cai sữa muộn hơn để tránh ảnh hưởng đến tốc độ sinh trưởng của dê con.

- Cho dê uống nước sạch và không để thiếu nước uống vào thời gian cai sữa.

4.2.5. Nuôi dưỡng dê thịt

a. Khẩu phần cho dê

- Lượng vật chất khô thu nhận hàng ngày đối với dê sinh trưởng khoảng 3 - 4% khối lượng cơ thể.

- Nuôi dê hướng thịt theo khẩu phần qui định để tăng khả năng sinh trưởng phát triển cơ thể hợp lý, không nên vỗ béo bằng thức ăn giàu năng lượng như ngô, sắn, gạo, tinh hỗn hợp.

- Cho ăn đầy đủ thức ăn thô xanh (2 - 5 kg/ngày) bằng 70 - 80% vật chất khô tổng khẩu phần ăn hàng ngày, phần còn lại bổ sung bằng thức ăn tinh và phụ phẩm nông nghiệp khoảng 20 - 30% (0,15 - 0,4 kg).

Ví dụ: Một con dê có khối lượng 20 kg, nhu cầu thức ăn hàng ngày sẽ là:

Lượng vật chất khô thu nhận là: $20 \times 4\% = 0,8$ kg (VCK).

Lượng vật chất khô thức ăn xanh là: $0,8 \times 80\% = 0,64$ kg (VCK).

Thức ăn là cây cỏ lá thường có tỷ lệ VCK là 20%. Như vậy, khối lượng thức ăn xanh cần cung cấp cho dê trong ngày là: $(0,64 \times 100)/20 = 3,2$ kg/con/ngày.

Thức ăn tinh thường có tỷ lệ VCK là 85%. Như vậy khối lượng thức ăn tinh cần cung cấp cho dê trong ngày là: $(0,16 \times 100)/85 = 0,2$ kg/con/ngày.

b. Cho dê ăn, uống

- Hàng ngày dê hướng thịt cần một lượng thức ăn tính theo vật chất khô bằng trọng lượng cơ thể. Trên cơ sở đó, có thể tính được nhu cầu vật chất khô hàng ngày khi biết trọng lượng của dê hướng thịt và các loại thức ăn cho dê.

- Cách cho ăn: Cho dê ăn tự do để khai thác tốt khả năng tăng trọng của dê.

- Cho dê uống nước: Cho dê uống nước tự do, đảm bảo cung cấp đủ nước và nước uống sạch.

c. Vỗ béo dê

- Thức ăn vỗ béo

+ Thức ăn xanh: Gần như bất kỳ thức ăn xanh nào cũng có thể sử dụng để vỗ béo. Thức ăn vỗ béo tốt nhất là thức ăn xanh, cỏ khô, ủ chua. Tất cả nhưng thức ăn này đều phải băm nhỏ 3 - 5 cm trộn vào thức ăn tinh khi cho ăn.

+ Thức ăn tinh: Các loại thức ăn ngũ cốc trước khi cho ăn cần được nghiền nhỏ tới kích thước 10 - 19 mm rồi trộn đều với thức ăn khác trước khi cho ăn, rỉ mật đường cũng có thể sử dụng làm thức ăn vỗ béo.

+ Thức ăn cung cấp protein: Dùng các loại hạt có dầu (khô dầu lạc, khô dầu đậu tương, khô dầu dừa, khô dầu hạt bông).

+ Muối khoáng: Tùy theo nguồn cung cấp thức ăn trong vỗ béo mà có thể sử dụng bột xương hay khoáng.

- Cách cho dê ăn: Cho dê ăn tự do các loại thức ăn, đặc biệt tăng lượng thức ăn tinh trong khẩu phần cho dê. Nên sử dụng các loại thức ăn giàu năng lượng như: ngô, sắn thái lát...

- Cho dê uống nước: Cho dê uống nước tự do, đảm bảo cung cấp đủ nước và nước uống sạch.

- Một số điểm cần lưu ý:

+ Để dê thích nghi với khẩu phần, tránh các rối loạn tiêu hóa, cần cho dê ăn từ ít đến nhiều dần để quen thức ăn.

+ Tuổi vỗ béo cho dê khi đạt 9 - 12 tháng tuổi, thời gian vỗ béo 1 tháng.

+ Phân nhóm, đều về trọng lượng và giới tính, để dễ chăm sóc và nuôi dưỡng.

+ Trước khi vỗ béo, dê phải được tẩy giun sán.

+ Cung cấp đầy đủ nước thường xuyên.

+ Tùy theo điều kiện nuôi dưỡng mà định phương thức vỗ béo.

+ Phối hợp khẩu phần vỗ béo phải đáp ứng nhu cầu duy trì và phát triển theo mức tăng trọng dự kiến.

Tùy theo nguồn thức ăn sẵn có mà phối hợp khẩu phần để hạ giá thành của sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo được nhu cầu dinh dưỡng.



4.3. CHĂM SÓC DÊ

4.3.1. Vận động, tắm chải cho dê

- Mùa hè: Cho dê vận động vào buổi sáng hoặc chiều tối để đảm bảo cho dê khỏe mạnh và không bị cảm nóng cảm nắng vào thời điểm nắng nóng, buổi sáng từ 7 - 8 giờ trong khi buổi chiều từ 16 - 17 giờ. Hàng ngày tắm, chải cho dê 1 lần/ngày.

- Mùa đông: Cho dê vận động muộn hơn buổi sáng từ 8 - 9 giờ còn buổi chiều từ 14 - 15 giờ, không tắm cho dê, nhưng có thể chải khô cho dê để làm sạch lông da.

- Thiết kế sân chơi hoặc bãi chăn thả cho dê vận động, tắm nắng đáp ứng nhu cầu.

+ Sân chơi: Mỗi ô chuồng có 1 sân chơi tương ứng, đặt ở phía sau chuồng và có diện tích gấp 2 - 3 lần diện tích chuồng nuôi, sân chơi có độ dốc 3 - 4% về phía cống rãnh, cần lắp cửa ra vào chuồng nuôi và sân chơi.

+ Bãi chăn thả: Có hệ thống cây bóng mát, trồng cỏ hoặc trải cát, xung quanh có tường bao, rào quây che chắn, xây dựng các bể nước phục vụ cho dê tự tắm, để sẵn máng ăn, máng uống tại sân chơi cho dê vừa vận động, vừa ăn uống. Thường xuyên vệ sinh, sát trùng sân chơi và hệ thống nước tắm cho dê.

- Chế độ cho dê vận động:

+ Dê đực giống vận động 2 lần/ngày, cùng với việc tắm, chải khô cho dê hàng ngày. Yêu cầu mỗi ngày ít nhất dê được vận động cường bức 30 phút - 1 giờ (khoảng 2 km). Sử dụng các phương thức vận động sau:

- Vận động kết hợp với chăn thả: Hàng ngày đôn dê đực giống ra bãi chăn thả cách chuồng nuôi khoảng 1,5 - 2,0 km vào lúc buổi sáng (7 - 8 giờ).
- Cho dê đực giống vận động trên đường riêng: Xây dựng một đường vận động dài khoảng 0,5 km, rộng 2m, có hàng rào bê tông cốt thép chắc chắn theo đường vòng khép kín nơi xuất phát cũng như nơi kết thúc. Dê đực giống được vận động vào buổi sáng khoảng 3 - 4 vòng tương ứng với 1,5 - 2,0 km.

+ Dê cái hậu bị vận động tự do từ 3 - 4 giờ /ngày.

+ Dê cái sinh sản cho vận động 3 - 5 giờ/ngày, kết hợp tắm chải, bắt ve, rận.

+ Dê nuôi thịt thì chăn thả hoàn toàn trên đồng cỏ khoảng 8 giờ/ngày hoặc ít nhất là từ 2 - 4 giờ chăn thả vận động/ngày.

- Mùa đông, dê cần được thường xuyên chải lông cho mượt và sạch, diệt trừ chấy rận, tăng cường tuần hoàn máu, chải từ phải sang trái, từ trước ra sau, từ trên xuống dưới.

- Mùa hè nên cho dê tắm kết hợp với chải 1 - 2 lần/ ngày.

4.3.2. Chăm sóc chân, móng

- Phải thường xuyên kiểm tra, vệ sinh và cắt móng chân dê không để chúng quá dài (nhất là ở dê nhốt).
- Móng quá dài thường gây khó khăn cho dê đi lại, bị gãy, xước hay bị kẹt sỏi, đá vào gây tổn thương làm thối móng chân, có thể dẫn đến què.

4.3.3. Phối giống cho dê

- Đối với dê cái hậu bị khi đạt được độ tuổi và khối lượng cần thiết mới đưa vào phối giống, ví dụ như dê Bách thảo khi đạt 7 - 8 tháng tuổi và khối lượng đạt 19 - 20 kg mới đưa vào phối giống. Trong thực tế thường bỏ qua 2 chu kỳ động dục mới phối giống.
 - Đối với dê sinh sản thì sau khi đẻ 1,5-2 tháng thì phối giống lại.
 - Sau khi phát hiện dê động dục thì sau khoảng 18-36 giờ cho dê phối giống là thích hợp nhất. Thường trong thực tế nếu hôm nay phát hiện dê động dục thì sáng sớm hôm sau phối giống cho dê và buổi chiều cho dê đi chăn thả về phối lại lần 2.
 - Chọn dê đực để ghép đôi giao phối với dê cái giống động dục cho thích hợp.
 - Nên phối lập lần 1 vào buổi sáng sớm và lần 2 vào buổi chiều.
- Chú ý: Dê đực tuyệt đối không có quan hệ huyết thống với dê cái.**

4.3.4. Đờ đẻ cho dê

- Dê sắp đẻ có những biểu hiện khó chịu, đi đái luôn, bầu vú và âm hộ sưng đỏ, bụng sa, bầu vú căng, chân cào đất. Từ âm hộ có dịch đặc chảy thành dòng và khi thấy xuất hiện bọc nước ối là dê sắp đẻ. Khi nước ối vỡ ra là dê đẻ. Bình thường thai sẽ được đẩy ra từ từ theo nhịp rặn của dê mẹ. Thường dê đẻ trong 1- 4 giờ tùy theo số lượng thai và vị trí thai.



Biểu hiện dê sắp đẻ

- Khi dê sắp đẻ, phải chuẩn bị ngăn lồng chuồng sạch sẽ, rải lớp đồ lót như cỏ, rơm khô vào đáy chuồng để thấm sản dịch khi dê đẻ. Nhốt riêng từng con ở chuồng đã được vệ sinh tiêu độc khô, sạch, kín ấm và yên tĩnh.

- Trước khi dê đẻ cần vệ sinh cho dê mẹ, rửa sạch vùng thân sau đặc biệt là phần âm hộ và bầu vú.

- Trợ sản cho dê: Nếu ngôi thai bình thường thì để dê tự đẻ, không cần can thiệp. Nếu dê con đang ra mà bị kẹt, khó đẻ, dê mẹ thường kêu la cần hỗ trợ bằng cách đưa tay đã sát trùng vào đẩy thai theo chiều thuận. Khi lòi thai ra cần cẩn thận, hai tay nắm phần thân phía ngoài kéo nhẹ ra theo nhịp rặn của dê mẹ.

- Nếu sau khi đẻ 24 giờ mà nhau không ra, hay ra không hết thì nhẹ nhàng kéo ra, tốt nhất là dùng thuốc Nam chữa sát nhau.

4.3.5. Hộ lý dê con

- Dê con sau khi đẻ ra lấy khăn sạch và khô lau hết nhớt từ miệng, mũi, tai, mình và bốn chân của dê con.

- Vuốt sạch máu từ cuống rốn trở ra phía ngoài rồi dùng chỉ chắc thắt chặt cuống rốn cách bụng khoảng 3 - 4 cm cách nút buộc 1 - 1,5 cm, dùng dao sắc hoặc kéo cắt rốn và sát trùng bằng dung dịch oxy già.

- Bóc móng cho dê con: Bóc một lớp móng non mỏng dưới bàn chân dê con.

- Sau khi đẻ xong khoảng 30 phút đến 4 giờ, nhau thai sẽ tự bong ra, lấy nhau không được để cho dê mẹ ăn. Sau 4 - 6 giờ mà nhau vẫn chưa ra thì phải tiến hành can thiệp bằng cách: tiêm oxytoxine hoặc cho uống thuốc Nam.

- Dùng nước rửa sạch bầu vú và âm hộ, vệ sinh sạch sẽ nơi dê mẹ vừa đẻ và cho thay đệm lót, đưa dê con vào cho bú sữa đầu.

- Trường hợp nếu dê mẹ bị sưng bầu vú có thể chườm nước nóng và vắt sữa cho dê khỏi bị tắc các tia sữa.



TÀI LIỆU THAM KHẢO



1. Tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017 Phần 2: Trồng trọt hữu cơ.
2. Tiêu chuẩn TCVN 11041-3:2017 Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ .
3. JAS for Organic Livestock Products.
4. The IFOAM Norms for Organic Production and Processing.
5. ASEAN standard for organic agriculture.
6. Trần Trang Nhung, Đinh Văn Bình, Nguyễn Văn Bình, Hoàng Đình Thắng (2009). Giáo trình Chăn nuôi dê. NXB Nông nghiệp - Hà Nội.
7. Đinh Văn Bình, Nguyễn Xuân Trạch, Nguyễn Thị Tú (2007). Giáo trình Chăn nuôi dê thỏ. NXB Nông nghiệp - Hà Nội.
8. Đinh Văn Bình và Nguyễn Quang Súc (2009). Kỹ thuật chăn nuôi dê. NXB Nông nghiệp - Hà Nội.
9. Đinh Văn Bình (2004). Kỹ thuật chăn nuôi dê sữa - dê thịt. NXB Lao động - Xã hội - Hà Nội.
10. Đinh Văn Bình (2003). Kỹ thuật Nuôi dưỡng dê chất lượng cao trong nông hộ. NXB Nông nghiệp - Hà Nội.



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ HỮU CƠ

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: NGUYỄN MẠNH HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng Biên tập: TS. LÊ LÂN

Biên tập và sửa bản in:
ĐINH VĂN THÀNH - TRẦN HỮU NGUYỄN BẢO
THẠCH KIM TUYẾT - PHẠM QUANG MINH

Trình bày, bìa: ĐỒNG THỊ THANH

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

167/6 phố Phương Mai - P. Kim Liên - TP. Hà Nội
ĐT: (024) 38523887, (024) 38521940-Fax: 024.35760748

Website: <http://www.nxbnongnghiep.vn>

E-mail: nxbnn1@gmail.com

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm - P. Tân Định - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 38299521, 38297157-Fax: (028) 39101036

Đối tác liên kết: Trần Thị Thanh Bình

Địa chỉ: Trung tâm Nông nghiệp Hữu cơ, Viện Quản lý Đất đai và PTNT,
Trường Đại học Lâm nghiệp, xã Xuân Mai, TP. Hà Nội

In 215 bản khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty TNHH In và Thiết Kế thương hiệu Tuấn Hoàng

Địa chỉ: Tổ Tân Lập 8, Phường Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Đăng ký KHXB số 291-2026/CXBIPH/4-06/NN

Quyết định xuất bản số: 06/QĐ-NXBNN ngày 22/01/2026

ISBN: 978-604-60-4238-9

In xong và nộp lưu chiểu quý I/2026.



THÔNG TIN LIÊN HỆ



Điện thoại:
0985345246



Website:
COA.ORG.VN



Địa chỉ: Phòng 125, Tòa nhà A3, Trường Đại học Lâm nghiệp

63 - 630
NN - 2026 - 4/06 - 2026

ISBN: 978-604-60-4238-9



9 786046 042389

SÁCH KHÔNG BÁN